TRƯỜNG CNTT – TT
KHOA MẠNG MÁY TÍNH – TT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HỌC TẬP KHÓA 50

Ngành: **An toàn thông tin (**Information Security)

Mã ngành:**7480202**

Hệ đào tạo: **Chính quy** Thời gian đào tạo: **4,5 năm** Danh hiệu: **Kỹ sư**

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
Học kỳ 1 – Năm thứ 1										
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8			*SV học theo thời khóa biểu của Trường*
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8			
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16			
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56			
5	CT200	Nền tảng công nghệ thông tin	4	4		30	60			
6	CT100	Kỹ năng học đại học (khối ngành CNTT)	2	2		20	20			
Cộng			**14**	**14**	**0**					
Học kỳ 2 – Năm thứ 1										
1	TC100	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1		30			
2	CT101	Lập trình căn bản A	4	4		30	60			
3	CT172	Toán rời rạc	4	4		60				
4	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4	60				
	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			45				
Cộng			**13**	**8**	**5**					
Học kỳ 3 – Năm thứ 1										
1	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				
2	TC100	Giáo dục thể chất 2 (tiếp theo)	1		1		30			
3	TN001	Vi – Tích phân A1	3	3		45				
4	CT177	Cấu trúc dữ liệu	3	3		30	30			
5	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45			XH023	
	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45			FL001	
Cộng			**13**	**9**	**4**					
Học kỳ 1 – Năm thứ 2										
1	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		
2	TC100	Giáo dục thể chất 3 (tiếp theo)	1		1		30			
	CT176	Lập trình hướng đối tượng	3	3		30	30	CT101		
4	TN002	Vi – Tích phân A2	4	4		60		TN001		
5	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3	45			XH024	
	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45			FL002	
Cộng			**13**	**9**	**4**					
Học kỳ 2 – Năm thứ 2										
1	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		
2	CT173	Kiến trúc máy tính	3	3		45				
3	CT175	Lý thuyết đồ thị	3	3		30	30	CT177		
4	TN012	Đại số tuyến tính & Hình học	4	4		60				
Cộng			**12**	**12**	**0**					
Học kỳ 3 – Năm thứ 2										
1	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		
2	CT190	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	2	2		30				
3	CT188	Nhập môn lập trình Web	3	3		30	30			
4	CT178	Nguyên lý hệ điều hành	3	3		30	30	CT173		
5	CT180	Cơ sở dữ liệu	3	3		30	30	CT177		
Cộng			**13**	**13**	**0**					

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
Học kỳ 1 – Năm thứ 3										
1	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		
2	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				
3	CT428	Lập trình Web	3	3		30	30	CT180 CT188		
4	CT174	Phân tích và thiết kế thuật toán	3	3		30	30	CT177		
5	CT112	Mạng máy tính	3	3		30	30	CT178		
Cộng			**13**	**13**	**0**					
Học kỳ 2 – Năm thứ 3										
1	CT491E	Niên luận cơ sở an toàn thông tin	3	3			90	≥ 90 TC		
2	CT296	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	3		30	30	CT180		
3	CT335	Thiết kế và cài đặt mạng	3	3		30	30	CT112		
4	CT197	Cơ sở lý thuyết mật mã	3	3		30	30	CT177		
Cộng			**12**	**12**	**0**					
Học kỳ 3 – Năm thứ 3										
1	CT490	An ninh Web	3	3		30	30	CT428		
2	CT211	An ninh mạng	3	3		30	30	CT112		
3	CT485	Các kỹ thuật tấn công mạng	3	3		30	30	CT112		
4	CT489	Luật an ninh mạng và đạo đức trong lĩnh vực CNTT	2	2		30				
5	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				
	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				
	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				
	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				
	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				
	KN001E	Kỹ năng mềm	2			20	20			
	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			
Cộng			**13**	**11**	**2**					
Học kỳ 1 – Năm thứ 4										
1	CT297	Pháp y máy tính (CNTT)	3	N1	**10TC** N1	30	30			
	CT486	Phát hiện và phân tích mã độc	3			30	30	CT112		
	CT228	Tường lửa	3			30	30	CT335		
	CT212	Quản trị mạng	3			30	30	CT112		
	CT127	Lý thuyết thông tin	2			30				
	CT344	Giải quyết sự cố mạng	2			30		CT335		
2	CT225	Lập trình Python	2	N2	hoặc	20	20	CT176		
	CT221	Lập trình mạng	3		**10TC** N2	30	30	CT112 CT176		
	CT274	Lập trình cho thiết bị di động	3			30	30	CT176		
	CT279	Blockchain	3			30	30			
	CT098	Phát triển ứng dụng IoT	3			30	30			
	CT488	Bảo mật hệ thống IoT	2			20	20	CT112		
3	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45				
Cộng			**13**	**3**	**10**					
Học kỳ 2 – Năm thứ 4										
1	CT492E	Niên luận an toàn thông tin	3	3			90	≥ 110 TC		
2	CT179	Quản trị hệ thống	3	3		30	30			
3	CT182	Ngôn ngữ mô hình hóa	3	3		30	30	CT176	CT180	
4	CT294	Máy học ứng dụng	3	3		30	30			
Cộng			**12**	**12**	**0**					
Học kỳ 3 – Năm thứ 4										
1	CT556E	Luận văn tốt nghiệp – An toàn thông tin	15		15		450	≥ 125 TC		
2	CT520E	Tiểu luận tốt nghiệp – An toàn thông tin	6				180	≥ 125 TC		
3	CT338	Mạng không dây và di động	2			30		CT112		
4	CT232	Đánh giá hiệu năng mạng	3			30	30	CT112		
5	CT233	Điện toán đám mây	3			30	30			

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
6	CT207	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3			30	30			
7	CT223	Quản lý dự án phần mềm	3			30	30			
8	CT235	Quản trị mạng trên MS Windows	3			30	30	CT112		
9	CT467	Quản trị dữ liệu	3			30	30	CT180		
10	CT251	Phát triển ứng dụng trên Windows	3			30	30	CT180, CT176		
11	CT206	Phát triển ứng dụng trên Linux	3			30	30	CT180, CT176		
12	CT230	Phát triển ứng dụng hướng dịch vụ	3			30	30	CT428		
13	CT238	Phân lớp dữ liệu lớn	3			30	30			
14	CT482	Xử lý dữ liệu lớn	3			30	30	CT176		
15	CT332	Trí tuệ nhân tạo	3			30	30			
16	CT273	Giao diện người – máy	3			30	30			
Cộng			**15**		**15**					
Học kỳ 1 – Năm thứ 5										
1	CT493E	Thực tập doanh nghiệp - An toàn thông tin	5	5			150	≥ 125TC CT211 CT296 CT335 CT490		
Cộng			**5**	**5**						
TỔNG CỘNG: 161 TC (Bắt buộc: 121TC; Tự chọn: 40TC)			**161**	**121**	**40**					

Đơn vị quản lý: **Khoa Mạng máy tính & Truyền thông, Trường CNTT & TT**
(https://www.facebook.com/infsec.cit.ctu/

Cần Thơ, ngày tháng năm

TL. HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHCT
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CNTT-TT

Nguyễn Hữu Hòa

TRƯỞNG KHOA

Phan Thượng Cang